

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Anh; bà Lê Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 148/2026/TLPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo: Nguyễn Bá D do có kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh hóa đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 173/2026/HS-ST ngày 21/5/2026 của TAND khu vực 1, tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 159/2026/QĐXXPT- HS, ngày 31/7/2026.

- Bị cáo bị kháng nghị: Nguyễn Bá D.

Nguyễn Bá D, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1998, tại tỉnh Thanh Hóa; CCCD số 038098013586; nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện tại: SN 14/179 A, phường HT, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Bá H và bà Trịnh Thị L; vợ Đỗ Thị T và có 02 con.

Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2026 đến ngày 12/02/2026 được tại ngoại cho đến nay (có mặt).

Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2024, ông Trịnh Văn T có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn thành đất ở và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn Đ (là bố của ông T). Sau đó làm thủ tục tặng cho Quyền sử dụng đất từ ông Trịnh Văn Đ sang vợ chồng ông Trịnh Văn T và bà Chu Thị N.

Do có quan hệ là bác cháu, đồng thời biết Nguyễn Bá D thường đi trích đo thửa đất cho một số người dân nên ông T đã gọi D đến nhà, nhờ D trích đo thửa đất của ông Trịnh Văn Đ, sau đó làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất rồi làm hợp đồng tặng cho từ ông Đoàn sang vợ chồng ông T và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông T.

Khi được ông T gọi đến nhà và nhờ làm chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Nguyễn Bá D đồng ý, sau đó đi tham khảo một số Công ty Bất động sản để tìm hiểu giá cả của việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Tại các công ty giá chuyển đổi mục đích sử dụng đất đưa ra mức giá khác nhau, có nơi giá 180 triệu đồng, có nơi giá 240 triệu đồng.

Sau khi tham khảo, Nguyễn Bá D đưa ra mức giá 200 triệu đồng với ông T (gồm: Thuê chuyển đổi mục đích sử dụng đất, phí trước bạ, thuế đất phi nông nghiệp, hợp đồng công chứng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Khi nghe mức giá do D đưa ra, ông T đồng ý và nói *“Để bác chuẩn bị tiền rồi gọi vào lấy”*. Khoảng 10 đến 15 ngày sau, ông T có gọi D đến nhà để nhận tiền và giấy tờ liên quan, tại nhà ông T, chị Trịnh Thị T (con gái ông T) có viết giấy nhận số tiền 100 triệu đồng và Giấy tờ liên quan để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và đưa cho D cùng ông T cùng ký.

Sau khi nhận tiền cùng giấy tờ liên quan, Nguyễn Bá D lập trích đo thửa đất rồi đến gặp cán bộ địa chính của phường Quảng Thành, TP. Thanh Hóa để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì được cán bộ địa chính phường yêu cầu về ký xác nhận của các hộ xung quanh, sau khi ký xong D tiếp tục lên gặp cán bộ địa chính phường nộp hồ sơ, khi tiếp nhận hồ sơ cán bộ địa chính thấy trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Đoàn, có thửa đất nông nghiệp liên quan đến dự án chưa giải phóng mặt bằng, nên trả lời D *“Không chuyển đổi mục đích sử dụng đất được”*. Sau khi nghe cán bộ địa chính thông báo D có thông báo lại cho ông T biết về việc thửa đất không chuyển đổi mục đích sử dụng đất được. Tuy nhiên, ông T vẫn nói *“Cháu cố gắng giúp bác”*, D nói: *“để cháu tìm cách làm cho bác”*. Sau đó D tiếp tục đến gặp cán bộ địa chính thì được trả lời *“Khi nào làm được sẽ thông báo”*. Sau đó D không thông báo lại với ông T.

Một thời gian sau, ông T hỏi D về tiến độ chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Lúc này số tiền D nhận của ông T đã bị tiêu sài hết nên khi ông T hỏi D trả lời *“số của bác sắp xong rồi”* nhằm kéo dài thời gian. Nghe D nói vậy, ông T nói *“có cần thêm tiền thì đến bác đưa thêm”*. Do bị ông T hỏi liên tục, D nghĩ đến việc làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đưa cho ông T để ông không hỏi nhiều và cũng không đòi lại tiền nên D có nói *“Bác đưa thêm cho cháu 15 triệu để làm hợp đồng tặng cho”*. Sau đó, ông T nói bà Chu Thị N (vợ ông T) chuyển khoản cho D số tiền 15 triệu đồng. Sau khi nhận thêm số tiền 15.000.000 đồng, D lên mạng xã hội Goole tìm kiếm địa chỉ những nơi làm giấy tờ, sau đó vào một trang Web (không nhớ trang

Web đã vào) rồi đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất mang tên ông Trịnh Văn T bà Chu Thị N với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng). Khoảng sau 3- 4 ngày thì D nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nhân viên chuyên phát (Shipper) giao đến nhà, Nguyễn Bá D mang đến đưa cho ông T và nói “*Giấy tờ của hai bác xong rồi, cháu đưa hai bác giữ*”, ông T nhận giấy rồi nói “*Tiền nong còn lại để bác xem xét bác đưa cho*”, vài ngày sau, ông T gọi điện cho D đến nhà ăn cơm uống rượu, trong lúc uống rượu D nói “*Do thời gian làm lâu, cháu không lấy thêm nữa*”.

Một thời gian sau, bà N mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do D đưa đến nhà chị gái thì được chị gái cho biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D đưa là giấy giả. Khi biết là giấy giả ông T gọi D đến nhà hỏi “*Có phải giấy thật không cháu*”, D vẫn khẳng định “*Đây là giấy thật*”, ông T nói “*Mày đừng nói dối tao, tao đã kiểm tra rồi, đây là giấy giả*”. Sau đó ông T gia hạn cho D một tháng để lo tiền trả lại, tuy nhiên quá hạn, D không có tài sản để khắc phục, ông T đến Cơ quan CSĐT tố cáo hành vi của D và giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D đã đưa.

Tại Kết luận giám định số 654/KL-KTHS ngày 23/01/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

“*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được nêu tại mục II.1 mẫu cần giám định (ký hiệu A) là giả*”.

Vật chứng vụ án: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên ông Trịnh Văn T bà Chu Thị N được lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm phân dân sự: Nguyễn Bá D đã tác động đến người thân trong gia đình khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt trả cho ông Trịnh Văn T, ông T đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho D.

Đối với giấy nhận tiền do chị Trịnh Thị T viết, Nguyễn Bá D ký nhận tiền, bà Chu Thị N đã cất giữ, hiện tại đã thất lạc, không có để giao nộp cho Cơ quan CSĐT.

Đối với người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho D, do D không nhớ rõ thông tin, phương thức đặt làm giả. Do đó, Cơ quan CSĐT không có căn cứ để điều tra làm rõ để xử lý đối với người này.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi xét hỏi và tranh luận, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số: 38/CT-VKSKV1 ngày 21/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Bá D về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 và tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 đã nêu.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng quá trình điều tra điều khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025; xử phạt Nguyễn Bá D từ 36 đến 42 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; Áp dụng khoản 1 Điều 341 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025. Xử phạt Nguyễn Bá D từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”. Áp dụng điều 55 BLHS 2015 Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù. Về trách nhiệm dân sự không xem xét (Bị hại đã nhận bồi thường không yêu cầu gì thêm). Áp dụng khoản 1 khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Bị hại thống nhất với cáo trạng và quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Bị cáo Nguyễn Bá D không bào chữa và tranh luận gì. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là phạm tội nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

Do có hành vi trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 173/2026/HS-ST ngày 21/5/2026 của TAND khu vực 1, tỉnh Thanh Hóa, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Bá D phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”.

Căn cứ theo điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”. Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2026 đến ngày 12/02/2026. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 35; khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Bá D số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Căn cứ theo khoản 2 Điều 35; khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Bá D số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, người bị hại theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/6/2026 VKSND tỉnh Thanh Hóa Kháng nghị bản án HSST số: 173/2026/HSST ngày 21/5/2026 của TAND khu vực 1, tỉnh Thanh Hoá phân định khung hình phạt đối với bị cáo về tội “sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa áp dụng điểm a khoản 2 điều 357 của BLTTHS sửa bản án HSST theo hướng: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Bá D về tội “sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Bá D không có ý kiến gì đối với tội danh, hình phạt. Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Thanh Hoá, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về hình thức: Kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa trong thời hạn luật định nên đề nghị HĐXX chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm. Xét thấy: Trong vụ án này, Nguyễn Bá D sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (tài liệu giả) để chiếm đoạt của gia đình ông Trịnh Văn T 115.000.000đ. Hành vi chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Bá D bị xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2, Điều 175 Bộ luật Hình sự là tội phạm nghiêm trọng. Do đó, hành vi sử dụng tài liệu giả của Nguyễn Bá D phải bị xét xử theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng”. Bản án hình sự sơ thẩm số 173/2026/HS-ST ngày 21/5/2026 của TAND Khu vực 1- Thanh Hóa xét xử Nguyễn Bá D về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1, Điều 341 Bộ luật Hình sự là không chính xác, có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, dẫn đến mức án về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” đối với Nguyễn Bá D là không phù hợp.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa áp dụng điểm a khoản 2 điều 357 của BLTTHS sửa bản án HSST theo hướng: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Bá D về tội “sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng nghị của VKS trong thời hạn luật định hợp lệ nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Bá D khai nhận phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm, lời khai của người bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Bá D có quan hệ họ hàng với ông Trịnh Văn T. Do tin tưởng D có khả năng thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng quyền sử dụng đất và làm giấy CNQSD đất nên vào khoảng tháng 7/2024 ông T nhờ D thực hiện công việc này. Trên cơ sở thỏa thuận chi phí hết khoảng 200.000.000đ, ông T đã giao trước cho D 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền và tiến hành tìm hiểu D biết rõ không thể làm được thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn T như đã hứa hẹn nhưng D đã không thông báo cho ông T biết, mà sử dụng hết số tiền 100 triệu vào mục đích cá nhân, khi ông T hỏi về tiến độ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cũng như làm giấy CNQSD đất, D đưa ra thông tin sai sự thật là "*Cháu đang tìm phương án*" và "*số sắp xong*" để trấn an ông T. Khi ông T nói "*Nếu cần thêm tiền đến bác đưa thêm cho*". Nguyễn Bá D đã lợi dụng lòng tin của ông T nhận thêm của gia đình ông số tiền 15.000.000đ và nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đưa cho ông T nhằm mục đích không phải trả lại số tiền đã nhận trước đó của gia đình ông T và cũng không bị ông T hỏi nhiều về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo thỏa thuận ban đầu ông T phải đưa cho D số tiền 200.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tuy nhiên sau khi đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho ông T, Nguyễn Bá D đã không lấy phần tiền còn lại. Do đó xác định số tiền Nguyễn Bá D chiếm đoạt và phải chịu trách nhiệm hình sự là số tiền 115.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội nêu trên của Nguyễn Bá D đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự quản lý hành chính.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Bá D đã phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm và tội "*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức*" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp

đến quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự quản lý hành chính. Bị cáo là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện để làm ăn chân chính và hướng thiện. Trong vụ án này, hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ mục đích của tội phạm là chiếm đoạt được tài sản. Bị cáo đã phạm vào tội nghiêm trọng, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội là lớn và phạm hai tội nên cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về tính chất, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo với mức hình phạt như vậy là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Thanh Hóa đề nghị TAND tỉnh Thanh Hóa đề nghị Tòa án tỉnh Thanh Hóa áp dụng điểm a khoản 2 điều 357 của BLTTHS sửa bản án HSST số: 173/2026/HSST ngày 21/5/2026 của TAND khu vực 1, tỉnh Thanh Hoá theo hướng: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS, tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Bá D về tội “sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tại phiên tòa bị cáo đề nghị HĐXX không đồng ý với nội dung kháng nghị, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

HĐXX thấy rằng: hành vi của bị cáo D nhận tiền của ông T ban đầu trên cơ sở thỏa thuận thực hiện công việc; sau khi biết không thể thực hiện được công việc, đã sử dụng hết số tiền 100.000.000đ ông T đưa vào mục đích cá nhân nhưng vẫn nói dối ông T về tiến độ giải quyết công việc là hồ sơ làm giấy CNQSD đất sắp xong, đồng thời nhận thêm 15.000.000đ khi ông T gợi ý đưa thêm tiền để trấn an ông T, đây là hành vi gian dối của D thể hiện ý trí chiếm đoạt, không muốn hoàn trả số tiền nhận trước đó. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm này hành vi của bị cáo D đã hoàn thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Sau khi nhận số tiền 115.000.000 đồng của ông T thì bị cáo D mới liên hệ với người trên mạng xã hội để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Việc bị cáo sử dụng giấy chứng nhận giả đưa cho ông T nhằm để ông T tin rằng bị cáo đã thực hiện được việc chuyển mục đích QSD đất, qua đó che giấu việc chiếm đoạt số tiền ông T đã đưa.

Tại thời điểm bị cáo sử dụng giấy CNQSD đất giả, ông T không giao thêm tài sản, cũng không thực hiện hành vi nào khác nhằm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo không sử dụng giấy CNQSD đất giả làm phương tiện để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, không có căn cứ xác định bị cáo D sử dụng tài liệu giả là giấy CNQSD đất giả thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng” theo điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS.

Do đó HĐXX không chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa về việc đề nghị TAND tỉnh Thanh Hóa áp dụng điểm a khoản 2 điều 357 của BLTTHS

sửa bản án HSST theo hướng: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341 BLHS tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Bá D về tội “sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Kháng nghị của VKSND không phải chịu án phí theo điểm d khoản 1 điều 11 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356; của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận Kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 173/2026/HS-ST ngày 21/5/2026 của TAND khu vực 1, tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí: Kháng nghị bản án, quyết định của VKSND theo thủ tục phúc thẩm không phải chịu án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm TANDTC Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND Khu vực 1;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT Công an tỉnh TH.
- CQTHAHS Công an tỉnh TH.;
- Bị cáo; Người bị hại.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân